

Tập 170

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm sáu mươi bốn:

(Kinh) Kỳ độ chúng sanh, văn thị âm dĩ, giai tất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

(經) 其土眾生。聞是音已。皆悉念佛念法念僧。

(Kinh: Chúng sanh cõi ấy, nghe âm thanh ấy rồi thấy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng).

Đoạn kinh văn này chỉ ra: Sau khi đại chúng nghe thuyết pháp, bèn đạt được lợi ích.

(Diễn) Sớ Sao dẫn phát minh Phật, Pháp, Tăng, bất phát minh như hà niệm. Kim tự Sao trung, ước ngữ giáo thuyết Tam Bảo, tắc kim niệm pháp, diệc đương hữu ngữ giáo bất đồng.

(演) 疏鈔但發明佛法僧，不發明如何念。今就鈔中約五教說三寶，則今念法，亦當有五教不同。

(Diễn: Sớ Sao chỉ giảng rõ Phật, Pháp, Tăng, nhưng chẳng dạy rõ nên niệm như thế nào? Nay trong phần Sao, đã dựa trên ngữ giáo để nói về Tam Bảo, vậy thì đối với cách niệm [Tam Bảo], cũng nên có [sự phân định cách niệm] khác nhau theo ngữ giáo).

Đối với đoạn này, bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư giảng khá giản lược, nên sách Diễn Nghĩa bổ sung ý nghĩa. Ngài Liên Trì soạn Sớ Sao, chọn lựa phương thức [chú sớ] theo quy củ của tông Hiền Thủ, tức là [theo quy củ] của tông Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm nói ngữ giáo, thập huyền. Sở dĩ Liên Trì đại sư chọn lựa [cách giảng giải theo tông] Hoa Nghiêm là vì có dụng ý rất sâu, cũng chính là đối đãi bộ kinh A Di Đà và pháp môn Niệm Phật ngang hàng với kinh Hoa Nghiêm. Vì lẽ đó, chỗ nào Ngài cũng dùng kinh Hoa Nghiêm để giải thích kinh văn của kinh này.

(Diễn) Như Tiểu Giáo, tức thị Hữu môn, kỳ niệm Tam Bảo, thật hữu năng niệm, sở niệm dã.

(演) 如小教，即是有門，其念三寶，實有能念所念也。

(Diễn: Như Tiểu Giáo chính là Hữu môn, họ niệm Tam Bảo thật sự có chủ thể niệm và đối tượng được niệm).

Nay chúng ta dùng biện pháp này để niệm Phật là được rồi! Cổ đức dạy chúng ta thật thà niệm Phật, chớ nên ham cao, chuộng xa! Ta là người niệm Phật (năng niệm), A Di Đà Phật là đức Phật được ta niệm (sở niệm). Có Năng, có Sở, một mực niệm như thế, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới quyết định chẳng có vấn đề gì. Chớ nên ham cao, chuộng xa, đâm ra bị hồng chuyện! Cách niệm này hết sức đáng tin cậy. Chúng ta niệm theo cách này, có phải là sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, phẩm vị rất thấp hay không? Không nhất thiết! Nếu quý vị niệm như vậy, thật ra, ta cũng đừng nên chấp trước. Lẽ đâu trong mỗi niệm niệm Phật [bèn suy tưởng]: “Ta là năng niệm, A Di Đà Phật là sở niệm của ta”. Quý vị đừng nên nghĩ kiểu ấy! Nếu niệm niệm đều mang ý niệm ấy, bèn thuộc về Tiểu Giáo. Nếu chẳng có niệm ấy, công phu và cảnh giới niệm Phật của quý vị không ngừng tăng cao, niệm đến mức Năng lẫn Sở cùng mất, cũng chẳng cần tác ý để quên. Nếu cố ý quên đi thì cũng chẳng quên được! Vì thế, khi công phu đạt tới mức, tự nhiên thành tựu, hết thấy đều là tự nhiên, hết thấy đều là tùy ý, chẳng có mảy may nào phải dụng công, cách niệm này tốt lắm, hết sức đúng pháp! Đây là Tiểu Giáo niệm Phật, thật sự là có năng niệm và sở niệm.

(Diễn) Thỉ Giáo, tức Không môn, năng niệm, sở niệm nhất thiết giai Không dã.

(演) 始教，即空門，能念所念一切皆空也。

(Diễn: Thỉ Giáo chính là Không môn, năng niệm và sở niệm hết thấy đều là Không).

Nói thật ra, điều này chẳng thể học. Nếu học, sẽ học chẳng giống, phiền phức to lớn, đâm ra còn bị thất bại, ngay cả đời nghiệp vãng sanh cũng chẳng vãng sanh được, rất đáng tiếc! Vì thế, vẫn chẳng bằng thật thà thực hiện từ Tiểu Giáo. Thỉ Giáo là khởi đầu của Đại Thừa, Chung Giáo là Đại Thừa viên mãn.

(Diễn) Chung Giáo, tức diệt Hữu diệt Vô môn, niệm nhi bất niệm, bất niệm nhi niệm dã. Đốn Giáo, tức phi Không phi Hữu môn, năng sở song tịch, vô niệm bất niệm, ly niệm đốn hiển dã. Viên Giáo, tức viên dung vô ngại môn, nhất niệm, nhất thiết niệm, nhất thiết niệm, nhất

niệm, nhất thời đốn niệm, phi ẩn hiển, nhất thiết viên thành, vô thắng liệt dã.

(演) 終教，即亦有亦無門，念而不念、不念而念也。
頓教，即非空非有門，能所雙寂，無念不念，離念頓顯也。
圓教，即圓融無礙門，一念一切念，一切念一念，一時頓
念非隱顯，一切圓成無勝劣也。

(Diễn: Chung Giáo chính là môn Cũng Có Cũng Không, niệm mà chẳng niệm, chẳng niệm mà niệm. Đốn Giáo chính là môn Chẳng Phải Có Chẳng Phải Không, Năng và Sở cùng vắng lặng, chẳng có niệm và vô niệm, là niệm mà nhanh chóng hiển lộ. Viên Giáo chính là môn Viên Dung Vô Ngại, một niệm là hết thấy niệm, hết thấy niệm là một niệm, niệm cùng một lúc, chẳng ẩn, chẳng hiển, hết thấy thành tựu viên mãn, chẳng có hơn kém).

Do điều này có thể biết, thật thà niệm mỗi một câu Phật hiệu, trong ấy chớ nên phân biệt, mà cũng đừng chấp trước. Kinh giáo Đại Thừa thường nói: “*Hạnh khởi, giải tuyệt*”, câu này rất quan trọng. Hạnh là gì? Chúng ta là người niệm Phật, niệm một câu A Di Đà Phật là Hạnh. Khi niệm Phật [tức là “*hạnh khởi*”], bèn buông xuống hết thấy, thứ gì cũng chẳng nghĩ tới, đạo lý gì cũng chẳng nghĩ tới, lý luận gì cũng chẳng nghĩ tới, phương pháp gì cũng chẳng nghĩ tới, cảnh giới gì cũng chẳng nghĩ tới, thứ gì cũng chẳng nghĩ tới, [đó là “*giải tuyệt*”], chỉ có một câu A Di Đà Phật, đó là đúng, hoàn toàn chánh xác. Như vậy thì tuy từ Tiểu Giáo nhập môn, quý vị thấy trong ngũ giáo, đã tương ứng với Viên Giáo, niệm niệm là viên tu, viên chứng, chẳng thể nghĩ bàn! Nói thật ra, người thiện căn sâu dày chẳng cần phải hiểu lý luận, đối với một câu Phật hiệu này liền nghiêm túc niệm mãi, tín tâm của người ấy từ đâu sanh khởi? Thấy người khác niệm Phật vắng sanh, tín tâm được kiến lập từ chỗ ấy. Thấy người đó niệm Phật, biết trước lúc mất, chẳng bệnh tật mà mất, ra đi rất tự tại, rất sung sướng, người ấy liền tin tưởng, khẳng khái một mực niệm câu Phật hiệu này, tu tập như vậy bèn tương ứng viên đốn.

Gần đây nhất, cư sĩ Châu Quảng Đại vắng sanh ở Hoa Thịnh Đốn, tuy chúng tôi chỉ nghe kể, nhưng ở bên ấy có mười mấy người đích thân chứng kiến, chẳng phải là một, hai kẻ, tin tức truyền đến tôi, chắc chắn chẳng giả. Một nhóm người ấy chính mắt trông thấy, giống như chúng ta chính mắt trông thấy. [Châu cư sĩ] niệm Phật ba ngày liền cảm Tây Phương Tam Thánh hiện đến, chúng tôi giảng kinh vài chục năm, Lý, Sự,

chân tướng đều chẳng nói rõ ràng được, nhưng người ta nhìn thấy tình huống ấy liền tin tưởng, đó là thiện căn sâu dày. Phật pháp thường nói “*tam chuyển pháp luân*”, đây là Tác Chứng Chuyển. Ông ta nêu gương, nêu chứng có cho chúng ta thấy; nếu quý vị tin tưởng, làm giống như ông ta, thì sẽ thành công. Ông ta vừa nghe pháp môn này liền tin tưởng, chẳng hoài nghi tí nào, tin tưởng Tây Phương xác thực có thể giới Cực Lạc. Tình huống sinh hoạt trong thế giới Cực Lạc giống hệt như trong kinh đã nói, quyết định chẳng ngờ vực. Phát nguyện cầu sanh, bèn niệm Phật thành công, lúc lâm chung, Phật đến tiếp dẫn, dầu thọ mạng chưa đến mà muốn ra đi vẫn được, Phật vẫn đến tiếp dẫn, chuyện này chẳng thể nghĩ bàn!

Thật sự có ý niệm cầu nguyện vãng sanh, niệm ấy chân thật, sẽ có thể vãng sanh bất cứ lúc nào, chứ Phật tán thán pháp môn này là pháp môn bậc nhất. Thật sự là pháp môn phương tiện bậc nhất. Bất luận là ai cũng đều có tư cách, trên là từ Đẳng Giác Bồ Tát, [dưới] cho đến chúng sanh trong địa ngục, ai nấy đều có phần. Sợ là quý vị nghe xong bèn hoài nghi, chẳng thể tin sâu, chướng ngại thuộc nơi chính mình, chứ pháp môn chẳng có chướng ngại. A Di Đà Phật và các vị thượng thiện nhân đến tiếp dẫn quý vị cũng chẳng có chướng ngại. Do điều này có thể biết, chỉ cần trừ khử nghi căn của chúng ta thì lý (đạo lý) biết nhiều cũng được, mà chẳng biết cũng không sao, chỉ cần tin tưởng có sự thật này là được rồi, chúng ta quyết định thành tựu trong một đời này!

Vì lẽ đó, “*trì danh niệm Phật, vô dị ư Thật Tướng*” (trì danh niệm Phật chẳng khác Thật Tướng [niệm Phật]). Cách tu tập thoát nhìn đường như rất thấp, nhưng thành tựu thù thắng khôn sánh. Trong phần chú giải của đoạn kinh văn này, đã nói rõ cảnh giới niệm Phật trong ngũ giáo khác nhau, chúng ta hiểu là được rồi, chớ nên phân biệt: Rốt cuộc ta niệm Phật thuộc giáo nào? Chẳng cần thiết, chẳng cần chuốc lấy phiền phức!

(Diễn) Tác trì niệm pháp, thâm thiển bất đồng, tùy cơ vô định. Nhiên ước nhi ngôn chi, bất xuất Sự Lý nhị chủng.

(演) 則知念法，深淺不同，隨機無定。然約而言之，不出事理二種。

(Diễn: Nên biết cách niệm [trong ngũ giáo] có cạn hay sâu khác biệt, tùy theo căn cơ, không nhất định; nhưng nói đại lược thì chẳng ngoài hai loại là Sự và Lý).

“Ước” (約) là quy nạp. Đối với năm loại vừa nói trên đây, năm loại được quy nạp thành hai thứ, hai thứ sẽ đơn giản.

(Diễn) Sự, tức niệm Biệt Tướng Tam Bảo. Niệm Phật, tức thường niệm thân cận, cầu Nhất Thiết Trí. Niệm Pháp, tức thường niệm tu hành chư Ba La Mật. Niệm Tăng, tức thường niệm thân cận học như thật hạnh dã.

(演) 事，即念別相三寶。念佛，則常念親近，求一切智。念法，則常念修行諸波羅蜜。念僧，則常念親近學如實行也。

(Diễn: “Sự” chính là niệm Biệt Tướng Tam Bảo. Niệm Phật bèn thường nghĩ thân cận, cầu Nhất Thiết Trí. Niệm Pháp bèn thường nghĩ tu hành các Ba La Mật. Niệm Tăng bèn thường nghĩ thân cận học hạnh như thật).

Đây là nói về Sự Niệm. Sự Niệm và Lý Niệm đều như nhau. Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã phân tích rất rõ ràng: Bất luận Sự Niệm hay Lý Niệm, niệm đến mức chính mình có thể hàng phục phiền não, tuy có vọng niệm, vọng niệm chẳng thể dấy lên hiện hành, cũng tức là vọng niệm chẳng khởi tác dụng, câu Phật hiệu có thể không chế vọng niệm; đó là “công phu thành phiền”, quyết định vãng sanh. Nếu có thể niệm đến mức đoạn trừ phiền não, sẽ là Sự nhất tâm bất loạn. Có thể niệm đến mức phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, đó là Lý nhất tâm bất loạn. Đây là nói tổng quát, công phu sâu hay cạn có ba mức độ sai khác. Đối với hai cách niệm Lý và Sự, chúng ta học Sự Niệm thuận tiện hơn, vì sao? Vì từ vô thủy đến nay, chúng ta chấp tướng, chấp tướng thì tu Sự Niệm sẽ thuận tiện. Niệm Phật Bảo trong Biệt Tướng Tam Bảo là thường mong thân cận đức Phật. Thân cận vị Phật nào? Thân cận A Di Đà Phật. A Di Đà Phật là hiện tại Phật, Ngài chẳng phải là quá khứ Phật, mà cũng chẳng phải là vị lai Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật đã là quá khứ, Di Lặc Phật là vị lai Phật, vẫn chưa xuất thế. A Di Đà Phật là hiện tại Phật, chúng ta phải thường mong thân cận Ngài, thường muốn thấy A Di Đà Phật. Chúng ta niệm câu danh hiệu A Di Đà Phật nhằm mục đích mong đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật. Đó là hoàn toàn chánh xác.

Nhưng ở đây, phải đặc biệt nhắc nhở chư vị đồng tu, quý vị vẫn là thật thà niệm mãi câu Phật hiệu này. Thiên Đạo đại sư dạy chúng ta: “*Thân chuyên lễ A Di Đà Phật*”. “*Lễ*” là lễ bái, chúng ta mỗi ngày sáng tối lạy Phật. Lạy Phật là một loại vận động hết sức tốt, nên mọi người chẳng cần tập thể thao, tập Thái Cực Quyền, chẳng có ý nghĩa gì hết, lãng phí thời

gian! Quý vị muốn hoạt động thân thể thì lạy Phật là được rồi. Rèn luyện thân thể như vậy, công phu niệm Phật chẳng gián đoạn; dùng các phương pháp khác, công phu niệm Phật của quý vị bị gián đoạn. Lạy Phật thì mỗi ngày lạy bao nhiêu? Không nhất định, tự mình có thể ấn định, có thời gian thì lạy nhiều, chẳng có thời gian bèn lạy ít, hãy dựa theo hoàn cảnh sinh hoạt của chính mình để ấn định. Người thật sự niệm Phật phải ghi nhớ một nguyên tắc: Giảm bớt chuyện. Nhiều chuyện không bằng ít chuyện, ít chuyện chẳng bằng không có chuyện gì! Những chuyện thuộc bốn phận của chính mình thì phải làm, những chuyện ở ngoài bốn phận của chính mình thì tốt nhất là đừng nắm nín, chẳng cần phải bới ra việc, tâm quý vị mới có thể thanh tịnh. Không có chuyện mà bới việc ra, đó là chuyện rất khổ! Hiện thời bên ngoài đang ráo riết tranh cử, đó là không có chuyện mà cứ bới ra việc! Những chức quan hoặc ủy viên ấy, mời tôi làm, tôi cũng không làm, vì sao? Tôi không thích hợp hành, phiền phức! Ăn nói cũng giống như vậy, ngôn ngữ càng đơn giản càng hay, bớt lo, bớt nói. Niệm Phật cho nhiều, tưởng Phật cho nhiều, thì trong một đời này mới có thể tu Tây Phương Cực Lạc thế giới thành công. Do đó: *“Miệng chuyên niệm A Di Đà Phật, ý chuyên tưởng A Di Đà Phật”*. Ba loại phương thức này, lấy niệm Phật làm chủ, lấy chấp trì danh hiệu làm chủ, lấy lễ bái và quán tưởng để phụ trợ.

Vì sao lấy niệm Phật làm chủ? Nếu lấy quán tưởng làm chủ, sẽ dễ bị ma dựa. Khi quý vị tu hành công phu còn chưa đủ, lỡ vạn nhất yêu ma quỷ quái biến thành hình tướng Phật cho quý vị thấy, quý vị trông thấy bèn sanh tâm hoan hỷ, sẽ bị ma dựa, phải chú ý điều này. Vì vậy, chúng ta lấy trì danh làm chủ. Quán tưởng thì sao? Nếu khi trì danh niệm Phật mà còn có vọng niệm, bèn tưởng Phật, tưởng Phật liền gạt bỏ vọng niệm, liền lìa khỏi vọng niệm, dùng phương pháp này để thay thế vọng niệm, trọn chẳng phải là thời thời khắc khắc cầu Phật hiện tướng cho chúng ta thấy. [Nếu luôn mong mỏi như vậy] sẽ là phiền phức to lớn. Ba năm hay năm năm quý vị thấy [Phật hiện tướng] một lần thì là thụy tướng, là hảo tướng. Nếu thường thấy Phật tướng, mỗi ngày đều thấy, mỗi tuần đều thấy, sẽ có chuyện rắc rối to, chắc chắn là ma, chẳng phải là Phật. Một tuần thấy hai ba lượt là khi vãng sanh, khi vãng sanh mà một tuần quý vị thấy hai ba lượt thì là bình thường, chính quý vị biết mình sắp ra đi. Đó là niệm Phật, là nhất tâm mong thân cận Phật.

“Niệm Pháp, tức thường niệm tu hành chư Ba La Mật” (Niệm Pháp ắt thường nghĩ tu hành các Ba La Mật). Chư vị phải đặc biệt ghi nhớ: Đối với các Ba La Mật, câu A Di Đà Phật trọn đủ viên mãn Lục Độ vạn hạnh,

có cần phải tu pháp nào khác hay không? Chẳng cần! Như các hạnh Bồ Thái, Trì Giới, Nhẫn Nhục, ngẫu nhiên gặp dịp bèn tùy phần, tùy sức mà hành. Chẳng gặp dịp, bèn chẳng đi tìm, chẳng phải là tìm kiếm để làm! Ví như người niệm Phật trong mười hai thời, trong tâm Phật hiệu chẳng gián đoạn, đó là phước báo lớn, niệm niệm tiêu trừ nghiệp chướng. Nay chúng ta nói đến chuyện phóng sanh, mỗi ngày khởi tâm động niệm: “Ta ra chợ mua thứ này thứ nọ để phóng sanh”, có phước báo hay không? Có một chút phước báo nhỏ nhặt, bỏ mất đại phước báo, chẳng có [đại phước báo], vì sao? Niệm Phật bị gián đoạn. Phóng sanh thì phải nên dùng thái độ gì để phóng sanh? Tình cờ gặp, chẳng phải là đặc biệt tìm kiếm. Đặc biệt tìm kiếm thì sai mất rồi, rốt cuộc là quý vị tu pháp môn phóng sanh hay tu pháp môn Niệm Phật? Còn có kẻ tu từ thiện, bồ thí, đi khắp nơi kiếm xem có kẻ đáng thương nào để chúng ta đến giúp đỡ họ, đến khắp nơi nghe ngóng, đi khắp nơi tìm kiếm, đều sai mất rồi, đó là quý vị nhất tâm phan duyên! Đức Phật dạy chúng ta tùy duyên, đừng phan duyên; hễ gặp thì chúng ta phải tận tâm tận lực làm, giúp đỡ người khác, đó là đúng. Đã gặp, chẳng thể không làm. Ví như quý vị mỗi ngày đi chợ mua thức ăn, gặp cá tôm sông nhả, đã trông thấy, nhất định là chúng có thể sống được, chúng ta lập tức mua đem đi phóng sanh. Nếu quý vị thấy chúng rất không xong, đem thả chúng, chúng cũng sẽ chết, bèn chẳng cần phải làm chuyện đó. Vì thế, tu hết thấy thiện phước, phải vận dụng trí huệ, chớ nên xử sự theo cảm tình, phải dùng cái tâm thanh tịnh, phải tùy duyên, chớ nên phan duyên, điều này hết sức trọng yếu! Tâm tâm niệm niệm, niệm A Di Đà Phật là đúng. Đó là niệm Pháp, chúng ta nhất định vâng theo lời dạy để phụng hành.

“*Niệm Tăng*”, nói đơn giản là thân cận thiện tri thức. Thiện tri thức đông đảo, người mới học nhất định phải thân cận thiện tri thức tương ứng với pháp môn chính mình đang tu học. Ta tu pháp môn Niệm Phật, vị thiện tri thức này cũng tu pháp môn Niệm Phật, vậy thì được! Ta tu pháp môn Niệm Phật, vị thiện tri thức kia tham Thiền, hoặc trì chú; quý vị thân cận vị thiện tri thức đó, chẳng có ích gì cho pháp môn quý vị đang tu, chẳng có lợi ích gì. Vì thế, nhất định phải thân cận thiện tri thức tu cùng một pháp môn với chính mình, đó là niệm Tăng. Chờ cho quý vị niệm đến mức công phu thành phỉn, đạt được Niệm Phật tam-muội, đối với pháp thế gian và xuất thế gian quý vị đều như như bất động; khi ấy, thiện tri thức các tông, các phái đều có thể thân cận, giống như năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, như vậy thì được. Chưa đạt đến trình độ ấy thì không được, chớ nên tùy tiện đến tham phỏng thiện tri thức! Mức độ thấp

nhất là chính mình đã đạt được Niệm Phật tam-muội thì khi ấy mới có thể [tùy tiện tham học].

Thời cổ, điều kiện tham học trong Phật môn là như vậy đó; chẳng phải là tùy tiện bèn có năng lực đi tham học. Hiện thời nói dân chủ, tự do, Phật môn cũng nói chuyện dân chủ, tự do, hồng bát! Vì vậy, nhân tài Phật pháp bị đoạn mất, nguyên nhân vì đâu? Trò chẳng nghe lời thầy. Họ muốn nói đến dân chủ, tự do, chẳng tiếp nhận sự chỉ dạy, làm sao có thể thành tựu cho được? Pháp môn này được gọi là pháp khó tin, nay chúng ta nghĩ lại Trung Quốc từ xưa tới nay, phương pháp thầy dùng để dạy trò, nói tóm lại đều là pháp khó tin, người hiện thời chẳng thể tin được! Nhưng phương pháp ấy tạo thành nhân tài, đời nào cũng đều có nhân tài. Nay thì chẳng có cách nào, người trẻ tuổi không thầy mà tự thông hiểu, đến khắp nơi học lung tung, làm sao có thể đạt thành tựu cho được? Chẳng thể nào có thành tựu! Họ đạt được một ít kiến thức hời hợt bề ngoài, chẳng đạt được trí huệ. Trí huệ học từ chỗ nào? Trí huệ học từ Thiên Định. Họ chẳng có Định, đi khắp nơi, đọc lung tung, thấy nhiều, nghe lắm, ghi nhớ thật nhiều, tưởng đó là Phật học, Phật pháp, lầm lẫn quá đời!

Phật pháp là pháp giác ngộ, tâm quý vị bất giác, lấy đâu ra giác ngộ? Tuyệt đối chẳng phải là có thể nắm lấy sự giác ngộ của người khác coi như của chính mình, chẳng có lẽ ấy! Nếu có thể làm như vậy, chúng ta còn phải tu hành nữa hay sao? Chẳng cần! Chư Phật, Bồ Tát đại từ đại bi, sẽ đem sự tu hành của chính mình ban cho chúng ta là được rồi! Các vị đọc kinh Lăng Nghiêm, [sẽ thấy] tôn giả A Nan thuở ấy có quan niệm sai lầm như thế, tưởng là người khác phải siêng khổ tu tập, ta chẳng cần! Ta là em út của đức Phật, đức Phật là anh lớn, thương yêu ta nhất, trong tương lai nhất định truyền Phật pháp cho ta, ta chẳng cần tu tập! Đến khi gặp nạn Ma Đăng Già nữ, mới biết: Nguyên lai, người khác chẳng có cách nào ban sự tu tập của họ cho ta, đâu có mối quan hệ thân thiết đến vậy cũng chẳng có cách nào! Tiền tài có thể tặng cho kẻ khác hưởng thụ, chứ trí huệ và tài nghệ làm sao ban cho người khác được? Chẳng có cách nào! Vì thế, những thứ ấy quả thật là “*ông tu, ông đắc; bà tu, bà đắc*”, nhất định phải cậy vào chính mình tu tập. Tâm quý vị chẳng thanh tịnh, lấy đâu ra trí huệ? Đối với kinh, luận, chú sớ của Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức, quý vị học thuộc lòng, cũng có thể giảng đến nổi hoa trời rơi lá tả, có phải là trí huệ hay không? Chẳng phải là trí huệ! Vì sao? Tâm quý vị chẳng hiểu rõ, quý vị giảng thứ gì cũng chẳng rõ rệt, mỗi câu nói ra đều hay lắm, nhưng thính chúng nghe chẳng thấy có ý vị gì hết! Do điều này có thể biết, tâm thanh tịnh trọng yếu dường ấy!

Cái tâm thanh tịnh như người niệm Phật chúng ta đã nói được nhà Thiền gọi là “*minh tâm kiến tánh*”, kiến tánh là tâm thanh tịnh. Tâm chẳng thanh tịnh, sẽ chẳng kiến tánh. Câu Phật hiệu là phương pháp để chúng ta tu tâm thanh tịnh, dùng Phật hiệu để tu tâm thanh tịnh. Tâm địa có một phần thanh tịnh, sẽ tương ứng với Phật pháp một phần. Hai phần thanh tịnh bèn hai phần tương ứng. Đó mới là thật sự lý giải. Xem kinh, đọc chú giải mới hiểu ý nghĩa. Kệ Khai Kinh có câu: “*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”, lời nguyện ấy là tâm thanh tịnh thì mới có thể lý giải. Do điều này có thể biết, vun bồi tâm thanh tịnh thì chẳng có phương pháp nào khác, [chỉ là] phải tu tập chuyên nhất. Ngay cả Nho gia cũng nói “*duy tinh, duy nhất*”, [tức là] họ nói đến sự tinh ròng, chuyên nhất. Phật pháp cũng giống như thế, kinh Di Đà đặc biệt chủ trương “*nhất tâm bất loạn*”. Nhất tâm bất loạn là quả, nhất tâm bất loạn cũng là nhân, nhân quả đồng thời, nhiệm màu thay! Hy vọng các đồng học phải đặc biệt chú ý điều này. Do vậy có thể biết, mỗi ngày trong mười hai thời, chúng ta dùng cái tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm cung kính để niệm một câu A Di Đà Phật, đó là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, Tam Bảo đều trọn đủ.

(Diễn) Lý, tức niệm Đồng Tướng Tam Bảo.

(演) 理，即念同相三寶。

(Diễn: Lý chính là niệm Đồng Tướng Tam Bảo).

Nói đến tự tánh. Đồng Tướng Tam Bảo là Tự Tánh Tam Bảo, cũng là giác, chánh, tịnh. Giác, chánh, tịnh là Lý. Sự là Phật, Pháp, Tăng. Phật, Pháp, Tăng là sự tướng, là hình tướng bên ngoài, Lý là giác, chánh, tịnh.

(Diễn) Giác tâm bất khởi, thường trụ Đệ Nhất Nghĩa Đế, bất vi nhị biên sở động, thị vi niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

(演) 覺心不起，常住第一義諦，不為二邊所動，是為念佛念法念僧。

(Diễn: Giác tâm không khởi, thường trụ Đệ Nhất Nghĩa Đế, không bị dao động bởi nhị biên, đó là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng).

Tự tánh giác, tự tánh chánh, tự tánh tịnh, đó là Đồng Tướng Tam Bảo.

(Diễn) Tức Thiên Thai đại sư sở vi an tâm bất động, xưng chi vi niệm dã.

(演) 即天台大師所謂，安心不動，稱之為念也。

(Diễn: Chính là như Thiên Thai đại sư đã nói: “An tâm bất động bèn gọi là niệm”).

Trong hết thảy cảnh giới, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, đó gọi là “*niệm Đồng Tướng Tam Bảo*”, tức là Lý Niệm. Cái gọi là “*niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm*” chính là Lý Niệm. Vì vậy, chúng ta vẫn phải thực hiện từ Sự thì hay hơn, thực hiện từ Biệt Tướng sẽ dễ hơn, thực hiện từ phương pháp của Tiểu Giáo sẽ dễ đạt được lợi ích, đừng ham cao chuộng xa. Biết có thuyết này, nhưng chẳng cần phải mong cầu, cứ thật thà niệm Phật, quyết định có thành tựu!

(Sớ) Văn âm vô ích, tắc đồng thể âm, chỉ thủ ngu lạc. Kim niệm Tam Bảo, chánh minh ích dĩ. Tam Bảo giả, lược hữu tam tướng: Nhất Trụ Trì Tướng, nhị Biệt Tướng, tam Đồng Tướng, khả tôn quý cố, danh chi viết Bảo.

(疏) 聞音無益，則同世音，祇取娛樂。今念三寶，正明益也。三寶者，略有三相：一住持相，二別相，三同相。可尊貴故，名之曰寶。

(Sớ: Nghe tiếng mà chẳng có lợi ích gì thì giống như âm thanh trong thế gian, chỉ nhằm thỏa thích. Nay [nói nghe chìm hút bèn] niệm Tam Bảo là nói rõ lợi ích [do nghe tiếng chìm hút]. Tam Bảo nói đại lược thì có ba tướng: Một là Trụ Trì Tướng, hai là Biệt Tướng, ba là Đồng Tướng. Do đáng tôn quý, nên gọi là Bảo).

“Âm” (音) là âm thanh. Âm thanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, bất luận là âm thanh do hữu tình hay vô tình phát ra đều hết sức vi diệu, hết sức êm tai! Nếu nghe những âm thanh ấy mà chẳng có công đức lợi ích thù thắng, thì có khác gì chúng ta nghe âm nhạc hoặc ca hát trong thế gian? Chẳng khác gì! Chỉ nhằm giải trí mà thôi! Chẳng dính líu đến chuyện phá mê, khai ngộ. Chúng ta nói đến lợi ích thì phá mê, khai ngộ, đoạn phiền não, tăng trưởng Bồ Đề, đó là lợi ích. Chẳng đạt được các lợi ích ấy, bèn chẳng khác gì âm nhạc của thế gian. “*Kim niệm Tam Bảo*” (Nay niệm Tam Bảo), đó là lợi ích. Nghe âm thanh do hữu tình và vô tình trong Tây Phương Cực Lạc thế giới phát ra, tự nhiên dấy lên ý niệm niệm Tam Bảo, đó là lợi ích và công đức của âm thanh ấy. Tiếp đó, giảng rõ Tam Bảo là gì? Đại sư nói đến ba loại, trước tiên là giảng giải chữ Trụ Trì:

(Sao) Trụ Trì Tướng giả, điêu, chú, tố, họa, danh vi Phật Bảo. Hoàng quyển xích trục, danh vi Pháp Bảo. Tỳ-kheo ngũ chúng, hòa hợp vô tranh, danh vi Tăng Bảo, tức thể gian Tam Bảo đã.

(鈔) 住持相者，雕鑄塑畫，名為佛寶；黃卷赤軸，名為法寶；比丘五眾，和合無爭，名為僧寶，即世間三寶也。

(Sao: Trụ Trì Tướng: [Hình tượng Phật] điêu khắc, đúc, đắp, vẽ, gọi là Phật Bảo. Quyển vàng trục đỏ là Pháp Bảo. Năm chúng tỳ-kheo hòa hợp, chẳng tranh chấp là Tăng Bảo, tức là thể gian Tam Bảo).

Đầu tiên, nói về Trụ Trì Tam Bảo. Trụ Trì chỉ điều gì? Duy trì Phật pháp. Phật pháp có thể lưu truyền trong thế gian thì cần phải nhờ vào [thể gian Tam Bảo] để truyền thừa, truyền bá rộng rãi, hoàng dương rực rỡ. Tam Bảo: Khi đức Phật tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật là Phật Bảo, hết thấy các kinh do đức Phật đã nói là Pháp Bảo, các đệ tử theo Phật học tập là Tăng Bảo. Thuở Phật tại thế, trong Tam Bảo, Phật Bảo là bậc nhất. Phật đã tịch diệt, trong Tam Bảo, Pháp Bảo là bậc nhất, chẳng phải là Phật Bảo bậc nhất, vì sao? Chúng ta chỉ thấy tượng Phật. Tượng Phật chẳng thể nói chuyện. Chúng ta có nghi vấn, tượng cũng chẳng thể giải đáp, nên đối với chúng ta, hữu ích nhất là kinh điển, kinh điển biến thành đệ nhất bảo. Xem kinh điển không hiểu, phải thỉnh người xuất gia chuyên môn tu học giải thích cho chúng ta, nên người xuất gia tức Tăng Bảo cũng biến thành hết sức trọng yếu. Đó là hiện tượng sau khi đức Phật diệt độ, chúng ta cần phải biết. Ở đây nói “*điêu, chú, tố, họa*” (khắc, đúc, đắp, vẽ) là nói đến phương thức tạo tượng. “*Điêu*” (雕) là điêu khắc, tượng Phật bằng gỗ do khắc chạm mà thành. Tượng bằng kim loại được đúc, dùng khuôn để chế ra. Tượng đắp thì nặn bằng đất, thuộc loại sành sứ. Còn có loại tượng Phật được vẽ. Bất luận là điêu khắc, đúc, đắp, vẽ, đều xem những tượng ấy là Phật Bảo, mang ý nghĩa kỷ niệm. Đức Phật chẳng trụ thế, nhìn hình tượng Phật giống như thấy Phật.

Thờ phụng tượng Phật có hai ý nghĩa:

1) Ý nghĩa thứ nhất là kỷ niệm. Đức Phật là vị thầy căn bản, vị thầy sáng lập giáo pháp của chúng ta. Nay chúng ta đạt được lợi ích do huân tu Phật pháp, ân đức ấy do đức Phật ban cho. Vì thế, đối với vị thầy căn bản, đối với vị thi tổ lập giáo, chúng ta niệm niệm chẳng quên, đó là ý nghĩa

“*thận chung truy viễn*¹, uống nước nhớ nguồn”, giống như chúng ta thờ bái vị tổ tiên, có ý nghĩa ấy.

2) Ý nghĩa thứ hai cũng hết sức trọng yếu, đó là “*kiến hiện tư tề*” (thấy người hiền, mong được bằng). Kinh Đại Thừa nói: “*Thích Ca Mâu Ni Phật đã thành Phật từ kiếp lâu xa, lần này do thả chiếc bè Từ mà trở lại*”. Nhưng chúng ta thấy hình tượng của Ngài trong một đời, cũng là từ phàm phu tu thành Phật, cũng do cha mẹ sanh ra, cũng có sáu năm khổ hạnh. Ngài nêu gương cho chúng ta thấy, thị hiện thành đạo, thuyết pháp độ sanh, hành động cả đời Ngài đều làm khuôn mẫu, điển hình cho chúng ta. Chúng ta học tập noi gương Ngài, Ngài có thể thành Phật trong một đời thì chúng ta cũng có thể thành Phật trong một đời. Vấn đề là có chịu nghiêm túc học tập, có thể nghiêm túc buông xuống hay không? Ngài triệt để buông phú quý, công danh xuống. Kẻ khác muôn tranh giành, Ngài đã đạt được, chẳng cần đến. Ngài là bậc quốc vương tôn quý, người Hoa thường nói: “*Quý vi thiên tử, phú hữu tứ hải*” (Thiên tử sang quý, giàu có khắp bốn biển). Ngài từ bỏ phú quý, sống bằng cách đi khát thực từng nhà. Chẳng ở trong hoàng cung, mà nghỉ dưới cội cây, giữa trưa ăn một bữa, sống cuộc đời như vậy. Quý vị nghĩ xem: Chúng ta có thể học theo hay không? Học chẳng nổi! Nay chúng ta muốn học, đức Phật dạy chúng ta buông xuống, bất quá là buông xuống một phần trăm, hoặc một hai phần ngàn mà thôi! Chẳng triệt để buông xuống giống như Ngài, chẳng có may mắn tham luyện pháp thế gian và xuất thế gian, tâm Ngài thanh tịnh lắm. Nay chúng ta nói buông xuống, nhưng bố thí thì luôn giữ lại cho mình một chút, chẳng bỏ sạch sành sanh giống như Ngài! Vì thế, Ngài có thể thành Phật trong một đời, chúng ta chẳng thể thành Phật trong một đời, nguyên nhân là ở chỗ này!

Đức Phật thật sự biểu diễn cho chúng ta thấy; đó là đại từ đại bi chân chánh. Bất luận kẻ nào nếu hoàn toàn học tập Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng thể nào không thành Phật trong một đời này. Thành Phật há phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp? Chẳng cần thiết! Chúng ta phát tâm, nhưng chẳng làm trọn vẹn, tiến tiến lùi lùi, nên mới phải cần ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Vì thế, tượng Phật vốn có công đức ấy. Thấy tượng Phật sẽ nghĩ: Phải học theo Ngài thấy thấu suốt, buông xuống, phải học theo Ngài có tâm tự tin đường ấy, chẳng hề sợ hãi như vậy. Ngài buông xuống, chẳng

¹ “*Thận chung truy viễn*” (慎終追遠): “*Thận chung*” là chôn cất, làm đám tang cẩn thận khi cha mẹ khuất bóng. “*Truy viễn*” là cúng tế tổ tiên. Hiểu theo nghĩa rộng, “*thận chung truy viễn*” là luôn tưởng niệm ân đức, báo đáp ân đức ông bà, cha mẹ, tổ tiên, các bậc tiền hiền.

sợ hãi, có sao nay chúng ta chẳng buông xuống được? Do sợ hãi, sợ ngày mai chẳng có cơm ăn, ngày mai chẳng có quần áo mặc, sợ những chuyện ấy. Ngài không sợ, thấy đều bỏ sạch, đó là đại vô úy.

Vì vậy, thờ tượng Phật có hai ý nghĩa ấy. Các đồng tu học Phật, thật sự học Phật, quyết định chớ nên coi tượng Phật như tượng thần, [nếu coi như tượng thần] thì sai mất rồi. Tượng thần là gì? Coi Phật như thần mình, nghĩ Ngài sẽ có thể phù hộ quý vị, chẳng có chuyện đó! Chư vị nhất định phải biết ý nghĩa chân chánh của việc thờ phụng hình tượng Phật, Bồ Tát, chớ nên coi các Ngài giống như thần mình! Coi các Ngài như thần mình tức là mê tín. Phật pháp bài trừ mê tín, phá mê, khai ngộ.

Pháp Bảo là nói tới quyển vàng, trục đỏ. Liên Trì đại sư sanh vào cuối đời Minh, trong thời đại ấy, kinh sách đóng thành từng tập rất hiếm, đại đa số vẫn là in thành một cuộn giấy dài, giống như các bức tranh được bồi hiện thời. Do cuộn lại, nên gọi là Quyển (卷). Kinh Phật từ lối in theo kiểu trục cuốn trở thành in theo kiểu đóng thành tập là do Hám Sơn đại sư đề xướng. Hám Sơn đại sư cũng là người sống vào đời Minh. Bốn vị đại sư cuối đời Minh là Hám Sơn, Tử Bách, Liên Trì, và Ngẫu Ích. Trong bốn vị đại sư, ngài Ngẫu Ích trẻ tuổi nhất. Sách chia thành trang, đóng thành tập cho đến hiện thời chỉ có lịch sử hơn năm trăm năm. Trước đây đều dùng lối trục cuốn, ở đây gọi là “*hoàng quyển*” (黃卷), [lối in thành từng tập] gọi là “*phương sách*” (方冊), do nó vuông vắn, gồm từng tập một. Xích trục (赤軸), “*trục*” là trục bằng gỗ [gắn ở hai đầu] một cuộn thư họa. “*Hoàng quyển xích trục*”² chỉ kinh điển, kinh quyển là Pháp Bảo.

“*Tỳ-kheo ngũ chúng*” chỉ người xuất gia. Người xuất gia nam chúng có hai loại, một là đã thọ Tỳ-kheo Giới, được gọi là Tỳ-kheo Giới Chúng, loại kia còn chưa thọ giới Tỳ-kheo, là Sa Di Chúng. Nữ chúng có Tỳ-kheo-ni, Sa Di Ni, và Học Pháp Nữ (Thức Xoa Ma Na), gọi gộp chung là Ngũ Chúng. Quan trọng nhất là câu kệ đó, “*hòa hợp vô tranh*” thì mới gọi là Chúng. “*Chúng*” (眾) là đoàn thể, chẳng phải là cá nhân. Từ bốn người trở lên ở cùng một chỗ cùng tu, tuân thủ Lục Hòa Kính thì mới có thể gọi là Chúng. Chúng, dịch sang tiếng Hán là Tăng Đoàn, tức là một đoàn thể của những người xuất gia. Nếu người ở chung đâu nhiều đến mấy,

² Gọi là Hoàng Quyển vì giấy dùng để in kinh sách nhà Phật thường có màu vàng. Do thuở xưa, trước khi in hay chép, người ta nhuộm giấy bằng một loại thuốc chống mối mọt khiến cho giấy có màu vàng nhạt, nên gọi là Hoàng Chi. Gọi là Xích Trục vì trục cuốn thường sơn màu đỏ vừa dễ thấy, vừa có tác dụng trang trí. Do kinh được in trên một tấm giấy dài, phải gắn trục gỗ ở hai đầu để dễ mở ra, hoặc cuộn lại, đồng thời lại có tác dụng ngăn cho kinh khỏi bị rách như khi dùng tay trực tiếp mở cuốn giấy ra.

mà chẳng tuân thủ Lục Hòa Kính, sẽ chẳng thể gọi là Tăng Đoàn. Do đó, điều kiện cơ bản của Tăng Đoàn là phải tuân thủ Lục Hòa Kính. Dùng tiêu chuẩn này để xét, tôi học Phật suốt ba mươi tám năm, đến rất nhiều nơi, chưa thấy một Tăng đoàn nào; vì vậy, trong lòng rất khó chịu. Bản thân chúng tôi có ý muốn thành lập một Tăng đoàn, có thể hay không? Chẳng thể, quá khó! Cổ nhân nói: *“Ba người đồng tâm, sức bèn cắt đứt vàng”*, thật sự thấu hiểu chẳng dễ dàng! Có thể tìm được bốn người có kiến giải, chí thú hoàn toàn giống nhau, tức là sáu điều kiện ấy thấy đều làm được, hết sức khó khăn!

Sáu điều kiện ấy khó khăn nhất, thứ nhất là *“kiến hòa đồng giải”*, [tức là] kiến giải hoàn toàn giống nhau. Đó là căn bản to lớn của sự hòa hợp. Người ấy có thể thật sự chung sống hòa thuận. Vào thời cổ tại Trung Quốc, mỗi tự miếu đạo tràng đều có giải hạnh đặc sắc, chẳng rối loạn. Xét theo lý luận, trong các kinh, họ chỉ chọn ra vài bộ, trong hạnh môn chuyên tu một pháp môn. Người trong ngôi chùa miếu ấy, bất luận là bao nhiêu, kiến giải đều hoàn toàn giống nhau. Ví như trong pháp môn Tịnh Độ, kinh điển để y cứ là *“tam kinh nhất luận”*. Trong niên hiệu Hàm Phong đời Thanh, cư sĩ Ngụy Nguyên lại thêm vào Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm; đầu thời Dân Quốc, Ân Quang đại sư lại thêm vào Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương, biến thành Tịnh Độ Ngũ Kinh, [các kinh điển] đó là căn cứ lý luận của chúng ta. Xét theo phương pháp tu học, thống nhất dùng một phương pháp Trì Danh Niệm Phật. Mọi người đều có kiến giải, cách nhìn, và cách nghĩ giống nhau, chí đồng đạo hợp, cùng nhau tu hành. Đó là căn bản của sự hòa hợp.

Một điều khác khó khăn nhất, chẳng dễ dàng là *“lợi hòa đồng quân”*. Quý vị thật sự triệt để buông tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần xuống, hết thấy cúng dường đều sung vào công quỹ, tư nhân quyết định chẳng có một đồng tài sản nào. Mười phương cúng dường, bất luận là cúng dường cho đại chúng hoặc cúng dường cá nhân, đều quy về Thường Trụ. Thường Trụ chọn ra một người quản lý, phân phối những tài vật ấy. Người quản lý mỗi năm thay đổi một lần, mỗi người đều có cơ hội vì đại chúng phục vụ. Vô cùng công bằng, nhiệm kỳ một năm. Đoàn thể bất luận bao nhiêu người, hễ mỗi người tự mình có tài sản riêng, sự hòa hợp trong Tăng đoàn liền bị phá hoại. Chư vị phải biết: Chỗ nào có thể có Tăng đoàn xuất hiện, nơi ấy còn được chư Phật hộ niệm, long thiên ủng hộ, sẽ không gặp tai nạn, mọi người có phước. Rất đáng tiếc! Hiện nay, một Tăng đoàn cũng chẳng có. Hiện thời, thành phố Đài Bắc có rất nhiều đạo tràng, lớn nhỏ hết sức nhiều! Đạo tràng có hai người trụ mà mỗi người

đều có tài sản riêng, mỗi người đều có tiền bạc riêng, không được rồi, có của cải riêng! Vì thế, trong xã hội hiện tại, chẳng tìm thấy Tăng đoàn, đây là một chuyện hết sức đau lòng!

Kế đó là “*giới hòa đồng tu*”, tức là vâng giữ phép tắc. Sinh hoạt trong đoàn thể nhất định phải có quy luật. Sinh hoạt, làm việc, nghỉ ngơi phải định ra một quy củ. Quy củ ấy do mọi người cùng ước định, thiếu số phục tùng đa số. Quy củ ấy cũng có thể tu chỉnh, trong khi nhóm họp sẽ đề ra tu chỉnh. Các quy định tu chỉnh đã được thông qua, ai nấy đều phải tuân thủ. “*Giới hòa đồng tu*” là giữ quy củ, giữ phép tắc, đương nhiên phải tuân thủ giới điều của Phật. Giới điều cơ bản là Ngũ Giới, Thập Giới. Nếu đúng là Tăng đoàn thì mức độ thấp nhất là vâng giữ Sa Di Thập Giới. Trong Sa Di Thập Giới có một điều: “*Trên tay chẳng thể có tài vật*”. Nếu trên thân có tiền bạc, giới ấy đã bị phá rồi! Trong xã hội hiện thời, có thể giữ cho “trên thân chẳng có tiền” hay không? Có thể làm được, chẳng phải là không thể làm được. Khi tôi ra khỏi cửa phải đi xe, bèn hướng về Thường Trụ tạm thời xin chút tiền xe, khi trở về, còn lại bao nhiêu đều trả lại Thường Trụ, đó là đúng. Vì thế, Tăng đoàn thật sự bồi dưỡng điều gì? Thân tâm thanh tịnh, dạy quý vị thật sự buông xuống. Tâm thanh tịnh chẳng có vọng niệm, tâm đặt nơi đạo, đạo nghiệp dễ dàng thành tựu. Mọi người ở chung cùng tu, rèn giữa lẫn nhau, thân cùng ở chung một nơi, miệng chẳng tranh cãi, cùng vui vẻ chia sẻ ý kiến, pháp hỷ sung mãn!

(Diễn) *Luật trung ngũ nhân dĩ thượng, đồng nhất yết ma, hòa hợp vô tranh, như thủy nhũ hợp, danh Hòa Hợp Chúng.*

(演) 律中五人以上，同一羯磨，和合無爭，如水乳合，名和合眾。

(Diễn: Trong Luật, từ năm người trở lên, cùng nhau Yết Ma, hòa hợp, chẳng tranh cãi, như nước hòa hợp cùng sữa, nên gọi là Hòa Hợp Chúng).

“*Luật trung ngũ nhân dĩ thượng*”: Giới luật nói là từ bốn người trở lên, tối thiểu là bốn người. “*Đồng nhất Yết Ma*”, Yết Ma (Karma) là tiếng Phạn, dịch sang ngôn ngữ hiện thời sẽ là “nhóm họp, ra nghị quyết”. Khai hội, ra nghị quyết, ai nấy đều phục tùng những điều đã được quyết định thì gọi là “*đồng nhất Yết Ma*”. Mọi người đều cùng tham gia hội nghị, nay ta nói là “dân chủ”. Chẳng có bất luận kẻ nào có quyền lực độc tài, chuyện lớn hay nhỏ đều do hội nghị quyết định. “*Hòa hợp vô tranh, như thủy nhũ hợp, danh Hòa Hợp Chúng*” (Hòa hợp chẳng tranh cãi, như nước

hòa lẫn với sữa, gọi là Hòa Hợp Chúng). Hòa Hợp Chúng gọi là Tăng đoàn, trong kinh diễn dịch thành Chúng. Chúng là Hòa Hợp Chúng, là đoàn thể. Đoạn này giảng về Trụ Trì Tam Bảo. Lại xem đoạn thứ hai:

(Sao) Biệt Tướng giả, lược hữu tam nghĩa.

(鈔) 別相者，略有三義。

(Sao: Biệt Tướng: Nói đại lược thì có ba nghĩa).

Biệt Tướng Tam Bảo: Biệt là sai biệt, sai biệt ở chỗ nào?

(Sao) Nhất giả, Tam Bảo tự biệt. Nhị giả, Tam Bảo Đại Tiểu Thừa biệt. Tam giả Tam Bảo danh tướng các biệt. Quát kỳ đại ý, tắc thường thân tôn đặc, thị hiện bất đồng, danh vi Phật Bảo. Giáo hành lý quả, vi môn bất đồng, danh vi Pháp Bảo. Tam Hiền, Thập Thánh, Tứ Quả, Tứ Hướng, Duyên Giác, Độc Giác, giai vị bất đồng, danh vi Tăng Bảo, tức xuất thế gian Tam Bảo dã.

(鈔) 一者三寶自別，二者三寶大小乘別，三者三寶名相各別。括其大意，則常身尊特，示現不同，名為佛寶；教行理果，為門不同，名為法寶；三賢十聖四果四向緣覺獨覺，階位不同，名為僧寶。即出世間三寶也。

(Sao: Một là Tam Bảo tự biệt. Hai là Tam Bảo Đại Thừa và Tiểu Thừa khác biệt. Ba là Tam Bảo danh và tướng mỗi ngôi mỗi khác biệt. Nói tổng quát, thân thường hằng, tôn quý đặc biệt, thị hiện khác nhau, bèn gọi là Phật Bảo. Giáo, hành, lý, quả là các môn khác nhau, bèn gọi là Pháp Bảo. Tam Hiền, Thập Thánh, Tứ Quả, Tứ Hướng, Duyên Giác, Độc Giác, địa vị khác nhau, bèn gọi là Tăng Bảo. Đó chính là xuất thế gian Tam Bảo).

Do điều này có thể biết chỗ khác biệt lớn nhất giữa Biệt Tướng và Trụ Trì. Trụ Trì Tam Bảo ở trong thế gian, Biệt Tướng Tam Bảo là xuất thế gian. Các thánh nhân Đại Tiểu Thừa hiện thời, tối thiểu cũng là từ Sơ Quả trong Tiểu Thừa trở lên. “*Tam Bảo tự biệt*”: Phật chẳng phải là Pháp, Pháp cũng chẳng phải là Tăng. Phật, Pháp, Tăng đều có giới hạn, đều khác biệt, đó là “*Tam Bảo tự biệt*”. “*Tam Bảo Đại Tiểu Thừa biệt*”: Tam Bảo có Đại Thừa và Tiểu Thừa khác nhau.

(Diễn) Tiểu Thừa, tắc trọng lục ứng thân. Tứ A Hàm Kinh, Tứ Quả, Tứ Hướng, vi Tam Bảo.

(演) 小乘，則丈六應身、四阿含經、四果四向，為三寶。

(Diễn: Tiểu Thừa thì Ứng Thân một trọng sáu, bốn bộ kinh A Hàm, Tứ Quả, Tứ Hướng, là Tam Bảo).

“Trọng lục ứng thân” là Phật Bảo. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trên thế gian, thị hiện kim thân cao một trọng sáu thước. “Tứ A Hàm kinh” là Pháp Bảo. Đức Phật giảng Tứ A Hàm cho hàng Tiểu Thừa, tức là Kinh, Luật, Luận Tiểu Thừa, cũng gồm có Tam Tạng. Tứ Quả, Tứ Hướng là Tăng Bảo. Tu học Tiểu Thừa có tám tầng cấp: Sơ Quả Hướng, Sơ Quả, Nhị Quả Hướng, Nhị Quả, Tam Quả Hướng, Tam Quả, Tứ Quả Hướng, Tứ Quả. “Vi Tam Bảo”: Những thứ ấy được gọi là Tiểu Thừa Tam Bảo.

(Diễn) Đại Thừa, tắc viên mãn Báo Thân, Đại Thừa Phương Đẳng, Tam Hiền, Thập Thánh, vi Tam Bảo.

(演) 大乘，則圓滿報身、大乘方等、三賢十聖，為三寶。

(Diễn: Đại Thừa thì viên mãn Báo Thân, Đại Thừa, Phương Đẳng, Tam Hiền, Thập Thánh là Tam Bảo).

“Viên mãn Báo Thân” là Phật Bảo. Tỳ Lô Giá Na Như Lai được nói trong kinh Hoa Nghiêm và Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Như Lai đều là viên mãn Báo Thân. Kinh dạy: Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo, không chỉ là ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo. “Đại Thừa, Phương Đẳng” là Pháp Bảo, tức hết thảy các kinh điển do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng. Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa, Niết Bàn, cùng với Hoa Nghiêm được giảng thuở đầu đều là Pháp Bảo. “Tam Hiền, Thập Thánh” là Tăng Bảo. Tam Hiền là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, ba mươi địa vị ấy. Thập Thánh là Địa Thượng Bồ Tát, từ Sơ Địa đến Thập Địa. Đó là Đại Thừa Tam Bảo. Tam Bảo danh và tướng mỗi ngôi đều khác biệt.

(Diễn) Phật hữu tam thân, tứ giáo, Lục Tức, thập nghĩa đẳng.

(演) 佛有三身四教六即十義等。

(Diễn: *Phật có ba thân, bốn giáo, sáu tức, mười nghĩa v.v...***).**

“*Tam thân*” là Pháp Thân Phật, Báo Thân Phật, Ứng Thân Phật. “*Tứ giáo*” là như tông Thiên Thai đã nói: Tạng Giáo Phật, Thông Giáo Phật, Biệt Giáo Phật, Viên Giáo Phật. “*Lục tức*” cũng do tông Thiên Thai giảng, chính là Lý Tức Phật, Danh Tự Tức Phật, Quán Hạnh Tức Phật, Tương Tự Tức Phật, Phần Chứng Tức Phật, Cứu Cánh Tức Phật. Chỉ riêng Phật mà cũng đã có nhiều chủng loại như thế, mỗi thứ mỗi khác. Tứ Giáo và Lục Tức bèn có mười ý nghĩa. Pháp có giáo pháp, lý pháp, hành pháp, quả pháp. Giáo pháp nay được gọi là kinh điển, là sách giáo khoa. Trong sách giáo khoa có giảng đạo lý, có phương pháp tu hành, có lý luận. Quý vị chia nhỏ ra thì trong Pháp Bảo có bốn loại ấy, nhưng cả bốn loại đều chẳng rời khỏi Giáo, phải dùng Giáo để hiển thị bốn loại ấy. Trong Tăng Bảo có phạm phu tăng. Những vị chưa chứng quả đều là phạm phu, chứng đắc Sơ Quả trở lên là thánh nhân. Nói theo Đại Thừa, phải là từ Tam Hiền trở lên mới được gọi là Thánh Hiền Tăng, mà cũng là từ Sơ Trụ trong Biệt Giáo trở lên. Từ Sơ Trụ của Biệt Giáo trở xuống vẫn là phạm phu tăng. Đây là nói Biệt Tướng có nhiều điểm sai biệt như thế, đều là nói theo sự tướng. Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này.